TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2025
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Văn Lộc

2. Ông Bùi Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thảo M, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ G, ấp H, xã P, tỉnh An Giang (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã A, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 14/10/2025 nguyên đơn – Bà Lê Thị Thảo M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân**:** Bà và ông Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 8 năm 2014. Hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 102 ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do chồng không đủ năng lực để lo cho con, không cung cấp tài chính để nuôi con và vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2024. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà yêu

cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 10/01/2016 và Nguyễn Lê Nhã V, sinh ngày 04/4/2023. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Nguyễn Thanh N: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 10 – An Giang phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông N; Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 10/01/2016 và Nguyễn Lê Nhã V, sinh ngày 04/4/2023. Khi ly hôn, bà M được trực tiếp nuôi 02 chung, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà M không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà M có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Thanh N có nơi cư trú tại ấp T, xã A, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn – Bà M vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận; Bị đơn là ông N đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ

án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M và ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà M và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102 ngày 29 tháng 9 năm 2014, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mục đích tạo điều kiện cho bà M và ông N được đoàn tụ. Tuy nhiên, bà M vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông N không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngoài ra, ông N không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Điều này, đã thể hiện ông N không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà M và ông N xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà M nguyên nhân là do chồng không đủ năng lực để lo cho con, không cung cấp tài chính để nuôi con và vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2024.... Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau và không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà Minh Q yêu cầu ly hôn với ông N.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà M và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, bà M được ly hôn với ông N.

2.2 Về con chung: Bà M khai có 02 con chung tên Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 10/01/2016 và Nguyễn Lê Nhã V, sinh ngày 04/4/2023. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung, về ông N không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định giao cháu H và cháu V cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà M phải tạo điều kiện cho ông N trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà M là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Minh và ông N có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thảo M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị Thảo M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 10/01/2016 và Nguyễn Lê Nhã V, sinh ngày 04/4/2023.

Bà M phải tạo điều kiện cho ông N trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu nên ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thảo M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004387 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thảo M và ông Nguyễn Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh